

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô D11, khu vực 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0297.3918677; Fax: 0297.3918677

Số: 555/26/PKQ-QTAG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/06/2026

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải, N1 (515D/NT/II-26)
2. Ngày lấy/nhận mẫu : 17/06/2026
3. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong can nhựa, chai thủy tinh và bảo quản theo HD11
4. Nơi yêu cầu lấy/nhận mẫu : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN CO.OP RẠCH GIÁ**
- Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam
5. Địa điểm lấy mẫu : Điểm tiếp nhận tại hệ thống thoát nước chung - Siêu thị Co.op Mart
Rạch Giá - Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Co.op Rạch Giá -
phường Rạch Giá, tỉnh An Giang (X: 1106907; Y: 0563369)
6. Thử nghiệm tại hiện trường : Không ☐; Có ☒
7. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 17/06/2026 đến ngày 25/06/2026
8. Lấy mẫu : Không ☐; Có ☒
9. Lưu mẫu : Không ☒; Có ☐ đến ngày:
10. Kết quả thử nghiệm :

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B - C _{max} (K=1,2)
1	pH ⁽³⁾	-	TCVN 6492:2011	6,93	5 – 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽³⁾	mg/L	QTTN-N06	392	1.200
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	14	120
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	26	60
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,1	12
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,26	60
7	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,2)	4,8
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,96	12
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,81	12

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô D11, khu vực 2, phường Rạch Giã, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0297.3918677; Fax: 0297.3918677

Số: 555/26/PKQ-QTAG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/06/2026

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B - C _{max} (K=1,2)
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,5)	24
11	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	5.000

Ghi chú: (3): Chỉ tiêu đo trực tiếp tại hiện trường; -: Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; HD11: Hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu nước thải; QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt..

**PHÒNG PHÂN TÍCH
P. TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Tuấn Huy



Nguyễn Thị Hồng Liên



- 1- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.